

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **861** /BNN-KTHT
V/v xây dựng kế hoạch trung hạn giai
đoạn 2021-2025 đầu tư ổn định đời
sống và sản xuất cho người dân sau tái
định cư các dự án thủy lợi, thủy điện.

Hà Nội, ngày **14** tháng **02** năm 2019

Kính gửi:*Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh*.....

Căn cứ Luật Đầu tư công; Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn; Quyết định số 64/QĐ-TTg ngày 18/11/2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chính sách đặc thù về di dân, tái định cư các dự án thủy lợi, thủy điện; Quyết định số 923/QĐ-TTg ngày 28/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng, chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư và Công văn số 05/BNN-KH ngày 02/01/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh có liên quan xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 hỗ trợ đầu tư ổn định đời sống và sản xuất cho người dân sau tái định cư các dự án thủy lợi, thủy điện theo Quyết định số 64/QĐ-TTg ngày 18/11/2014 của Thủ tướng Chính phủ thuộc Chương trình mục tiêu tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng, chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư (*Chi tiết theo Đề cương hướng dẫn đính kèm*).

Báo cáo kế hoạch của Ủy ban nhân dân các tỉnh đề nghị gửi về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (thông qua Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn) theo địa chỉ số 2 Ngọc Hà, Ba Đình, Hà Nội trước ngày 10/3/2019 để tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định./.

(Bản mềm Báo cáo đề nghị gửi theo địa chỉ email: manhbu.ptnt@mard.gov.vn;
Điện thoại liên hệ: 0243.7347234, di động: 0913.056.096).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng Nguyễn Xuân Cường (để b/c);
- Lưu VT, KTHT (m22b).



**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Trần Thanh Nam

ĐỀ CƯƠNG

Báo cáo tình hình thực hiện đầu tư công giai đoạn 2016-2020 và dự kiến kế hoạch giai đoạn 2021-2025 hỗ trợ đầu tư ổn định đời sống và sản xuất cho người dân sau tái định cư các dự án thủy lợi, thủy điện theo Quyết định số 64/QĐ-TTg ngày 18/11/2014 của Thủ tướng Chính phủ

(Kèm theo Công văn số 869/BNN-KTHT ngày 14 tháng 02 năm 2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)



I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2016-2020

1. Kết quả lập dự án

- Tổng số có.....công trình thủy lợi, thủy điện trên địa bàn tỉnh có di dân, tái định cư thuộc phạm vi điều chỉnh và điều khoản chuyển tiếp quy định tại Điều 1 và Điều 23 Quyết định số 64/2014/QĐ-TTg ngày 18/11/2014 của Thủ tướng Chính phủ phải lập Dự án đầu tư ổn định đời sống, sản xuất cho người dân sau tái định cư.

- Nêu rõ căn cứ pháp lý của từng công trình (Các văn bản do Quốc hội quyết định chủ chương đầu tư, Thủ tướng chấp thuận chủ trương đầu tư, Thủ tướng phê duyệt dự án đầu tư; năm hoàn thành công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư...), là cơ sở để lập dự án đầu tư ổn định đời sống, sản xuất cho người dân sau tái định cư các dự án thủy lợi, thủy điện;

- Kết quả lập Dự án đầu tư ổn định đời sống, sản xuất cho người dân sau tái định cư các dự án thủy lợi, thủy điện trên địa bàn tỉnh: Đã phê duyệt... dự án (Số quyết định phê duyệt.....); đang lập.... dự án; chưa lập.... dự án.

2. Kết quả thực hiện các nội dung đầu tư

- Tổng số hộ được hỗ trợ....hộ, bao gồm:.....hộ tái định cư;hộ sở tại bị ảnh hưởng do thu hồi đất để xây dựng khu tái định cư.

- Hỗ trợ chuyển đổi sang cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao với tổng số....ha,con, trong đó đã thực hiện hỗ trợ....ha,con

- Hỗ trợ bảo vệ rừng, phát triển rừng và sản xuất nông, lâm kết hợp với tổng diện tích là....ha, trong đó đã thực hiện là....ha.

- Hỗ trợ kinh phí đào tạo nghề với tổng số.....người, trong đó đã hỗ trợ....người.

- Sửa chữa, nâng cấp cơ sở hạ tầng thiết yếu tại các khu, điểm tái định cư với tổng số.....công trình, trong đó đã thực hiện hoàn thành....công trình.

- Sắp xếp ổn định dân cư cho điểm tái định cư tập trung không có điều kiện ổn định đời sống, phát triển sản xuất cho người dân sau tái định cư và bị ảnh hưởng do thiên tai với tổng số....hộ, trong đó đã thực hiện hoàn thành....hộ.

3. Kết quả thực hiện vốn đầu tư

- Tổng vốn đầu tư các dự án đầu tư ổn định đời sống, phát triển sản xuất cho người dân sau tái định cư các dự án thủy lợi, thủy điện được duyệt là ...triệu đồng; trong đó: Ngân sách trung ương...triệu đồng; ngân sách địa phương....triệu đồng; vốn khác.....triệu đồng.

- Tổng vốn đã giao là..... triệu đồng; trong đó: Ngân sách trung ương...triệu đồng; ngân sách địa phương....triệu đồng; vốn khác.....triệu đồng.

- Tổng giá trị đã giải ngân là.....triệu đồng, trong đó: Ngân sách trung ương...triệu đồng; ngân sách địa phương....triệu đồng; vốn khác.....triệu đồng.

4. Đánh giá chung

- Mặt được

- Một số mặt tồn tại, hạn chế

- Nguyên nhân tồn tại, hạn chế.

II. KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG GIAI ĐOẠN 2021 -2025

1. Căn cứ lập kế hoạch

2. Mục tiêu đầu tư: Nêu rõ mục tiêu, các chỉ tiêu cần đạt được.

3. Đối tượng, phạm vi và thời gian thực hiện

4. Kế hoạch thực hiện các nội dung đầu tư, hỗ trợ

- Tổng số hộ sẽ được hỗ trợ....hộ, bao gồm:.....hộ tái định cư;hộ sở tại bị ảnh hưởng do thu hồi đất để xây dựng khu tái định cư.

- Hỗ trợ chuyển đổi sang cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao với tổng số.....ha,con.

- Hỗ trợ bảo vệ rừng, phát triển rừng và sản xuất nông, lâm kết hợp với tổng diện tích là.....ha.

- Hỗ trợ kinh phí đào tạo nghềngười.

- Sửa chữa, nâng cấp cơ sở hạ tầng thiết yếu tại các khu, điểm tái định cư với tổng số.....công trình.

- Sắp xếp ổn định dân cư cho điểm tái định cư tập trung không có điều kiện ổn định đời sống, phát triển sản xuất cho người dân sau tái định cư và bị ảnh hưởng do thiên tai với tổng số....hộ.

5. Tổng nhu cầu vốn đầu tư

- Tổng nhu cầu vốn đầu tư giai đoạn 2021-2025 là:triệu đồng, trong đó: Ngân sách trung ương.....triệu đồng; ngân sách địa phương.....triệu đồng; các nguồn vốn khác.....triệu đồng.

- Phân kỳ đầu tư: Năm 2021 là... triệu đồng, năm 2022 là....triệu đồng, năm 2023 là....triệu đồng, năm 2024 là.....triệu đồng, năm 2025 là.....triệu đồng (trong đó phân rõ nguồn vốn ngân sách trung ương, ngân sách địa phương, các nguồn vốn khác). ✓

(Chi tiết tổng hợp theo các Phụ biểu 1, 2, 3, 4 đính kèm)

6. Các giải pháp thực hiện

7. Đề xuất, kiến nghị./.

Phụ biểu 1

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2016-2020

CÁC DỰ ÁN ỔN ĐỊNH ĐỜI SỐNG VÀ SẢN XUẤT CHO NGƯỜI DÂN SAU TÁI ĐỊNH CƯ CÁC DỰ ÁN THỦY LỢI, THỦY ĐIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/QĐ-TTG
NGÀY 18/11/2014 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

(Kèm theo Công văn số 861 /BNN-KTHT ngày 14 tháng 02 năm 2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT)

[illegible]

Phụ biểu 2

DỰ KIẾN DANH MỤC VÀ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021-2025
CÁC DỰ ÁN ỔN ĐỊNH ĐỜI SỐNG VÀ SẢN XUẤT CHO NGƯỜI DÂN SAU TÁI ĐỊNH CƯ CÁC DỰ ÁN THỦY LỢI, THỦY ĐIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/QĐ-TTG
NGÀY 18/11/2014 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

(Kèm theo Công văn số **861** /BNN-KTHT ngày **14** tháng **02** năm 2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế (hồ)	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Lấy kế số vốn bổ trợ từ khởi công đến hết năm 2020			Lấy kế số vốn giải ngân đến hết 31/01/2021			Như cầu đầu tư 5 năm giai đoạn 2021-2025					
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW					
							Tổng	Vốn ĐTPT								Vốn SNKT		Tổng số	Vốn ĐTPT	Vốn SNKT
TỔNG SỐ																				
1	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025																			
-	Dự án ổn định đời sống và sản xuất cho người dân sau TĐC thủy điện (thủy lợi).....																			
-	Dự án ổn định đời sống và sản xuất cho người dân sau TĐC thủy điện (thủy lợi).....																			
2	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025																			
-	Dự án ổn định đời sống và sản xuất cho người dân sau TĐC thủy điện (thủy lợi).....																			
-	Dự án ổn định đời sống và sản xuất cho người dân sau TĐC thủy điện (thủy lợi).....																			

12

Phụ biểu 3

DỰ KIẾN PHÂN KỲ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021-2025
CÁC DỰ ÁN ỔN ĐỊNH ĐỜI SỐNG VÀ SẢN XUẤT CHO NGƯỜI DÂN SAU TÁI ĐỊNH CƯ CÁC DỰ ÁN THỦY LỢI, THỦY ĐIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 64/QĐ-TTG
NGÀY 18/11/2014 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

(Kèm theo Công văn số **861** /BNN-KTHT ngày **14** tháng **02** năm 2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Tổng nhu cầu vốn đầu tư giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch năm 2021			Kế hoạch năm 2022			Kế hoạch năm 2023			Kế hoạch năm 2024			Kế hoạch năm 2025				
		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		
			Tổng số	Vốn ĐTPT	Vốn SNKT		Tổng số	Vốn ĐTPT	Vốn SNKT		Tổng số	Vốn ĐTPT	Vốn SNKT		Tổng số	Vốn ĐTPT	Vốn SNKT		Tổng số	Vốn ĐTPT	Vốn SNKT
TỔNG SỐ																					
1	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025																				
-	Dự án ổn định đời sống và sản xuất cho người dân sau TĐC thủy điện (thủy lợi).....																				
-	Dự án ổn định đời sống và sản xuất cho người dân sau TĐC thủy điện (thủy lợi).....																				
2	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025																				
-	Dự án ổn định đời sống và sản xuất cho người dân sau TĐC thủy điện (thủy lợi).....																				
-	Dự án ổn định đời sống và sản xuất cho người dân sau TĐC thủy điện (thủy lợi).....																				

12

**CÁC CHỈ TIÊU THỰC HIỆN ĐẦU TƯ CÁC DỰ ÁN ỔN ĐỊNH ĐỜI SỐNG VÀ SẢN XUẤT CHO NGƯỜI DÂN SAU TÁI ĐỊNH CƯ CÁC DỰ ÁN THỦY LỢI, THỦY ĐIỆN
GIAI ĐOẠN 2016-2020 VÀ KẾ HOẠCH 2021-2025**

(Kèm theo Công văn số 861 /BNN-KTHT ngày 14 tháng 02 năm 2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT)

[illegible]